

Số: 719/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I/2014-2015
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2012, 2013 và 2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ký ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2014-2015;

Căn cứ vào biên bản buổi họp Hội đồng xét, cấp Học bổng khuyến khích học tập và Trợ cấp xã hội ngày 14 tháng 5 năm 2015;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra giáo dục - Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho 110 sinh viên các khóa 2012, 2013 và 2014 Cao đẳng đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập (chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ I. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên) và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (có danh sách kèm theo) như sau:

- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = **08** sinh viên;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 và KQRL ≥ 70 = **102** sinh viên.

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận **05** tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKII/2014-2015, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 400.000đ/tháng/SV.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTGD.



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I/2014-2015

Bậc đào tạo: Cao đẳng - Khóa: 2012

(Kèm theo Quyết định số: 719 /QĐ-LTT-TTGD ngày 20 tháng 5 năm 2015
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số SV	HỌ & TÊN	LỚP	ĐIỂM TBCHT	KQRL	SỐ TIỀN	TỔNG CỘNG 5 THÁNG	KÝ NHẬN
1	12D3010017	Phạm Minh Công	12CĐ-ĐT1	7.65	70	400,000	2,000,000	
2	12D3010029	Nguyễn Tấn Duy	12CĐ-ĐT1	7.30	70	400,000	2,000,000	
3	12D3010041	Huỳnh Ngọc Hiền	12CĐ-ĐT1	8.15	74	400,000	2,000,000	
4	12D3010089	Tô Tấn Phát	12CĐ-ĐT1	8.05	74	400,000	2,000,000	
5	12D3010109	Võ Thanh Sang	12CĐ-ĐT1	7.70	71	400,000	2,000,000	
6	12D3010019	Lê Văn Cường	12CĐ-ĐT3	7.85	99	400,000	2,000,000	
7	12D3010095	Nguyễn Hồng Phúc	12CĐ-ĐT3	7.35	75	400,000	2,000,000	
8	12D301Đ089	Bùi Hữu Nghĩa	12CĐ-Đ1	7.57	73	400,000	2,000,000	
9	12D301Đ097	Trần Ngọc Nhật	12CĐ-Đ1	7.22	74	400,000	2,000,000	
10	12D301Đ038	Trần Văn Đạt	12CĐ-Đ2	7.39	73	400,000	2,000,000	
11	12D301Đ118	Nguyễn Ngọc Tài	12CĐ-Đ2	7.74	80	400,000	2,000,000	
12	12D301Đ052	Hà Công Hậu	12CĐ-Đ3	8.09	72	400,000	2,000,000	
13	12D301Đ167	Trịnh Tấn Vinh	12CĐ-Đ3	8.52	72	400,000	2,000,000	
14	12D2060064	Nguyễn Minh Tâm	12CĐ-NL1	7.96	81	400,000	2,000,000	
15	12D2060069	Thân Hải Thọ	12CĐ-NL2	8.04	87	475,000	2,375,000	
16	12D2010017	Trần Dĩnh	12CĐ-CK1	7.28	73	400,000	2,000,000	
17	12D2010128	Trần Minh Quyền	12CĐ-CK1	7.62	70	400,000	2,000,000	
18	12D2010144	Nguyễn Sơn Thạch	12CĐ-CK1	7.24	71	400,000	2,000,000	
19	12D2010156	Nguyễn Văn Thành	12CĐ-CK1	7.21	71	400,000	2,000,000	
20	12D2010082	Nguyễn Hoàng Lâm	12CĐ-CK2	7.14	71	400,000	2,000,000	
21	12D2010098	Nguyễn Công Minh	12CĐ-CK2	7.48	70	400,000	2,000,000	
22	12D2010106	Lê Hoàng Nhân	12CĐ-CK2	7.14	70	400,000	2,000,000	
23	12D2010110	Linh Diệu Phí	12CĐ-CK2	7.21	70	400,000	2,000,000	
24	12D2010007	Lê Tuấn Anh	12CĐ-CK3	7.00	80	400,000	2,000,000	
25	12D2010039	Đỗ Đại Độ	12CĐ-CK3	7.38	73	400,000	2,000,000	
26	12D2010063	Phùng Quang Hoàng	12CĐ-CK3	7.59	70	400,000	2,000,000	
27	12D2010075	Nguyễn Công Khanh	12CĐ-CK3	8.03	73	400,000	2,000,000	
28	12D2010080	Huỳnh Anh Kiệt	12CĐ-CK3	7.76	70	400,000	2,000,000	
29	12D2010158	Võ Đức Thành	12CĐ-CK3	7.41	76	400,000	2,000,000	
30	12D2010159	Đàm Minh Thảo	12CĐ-CK3	7.59	70	400,000	2,000,000	
31	12D2050005	Ngô Gia Bảo	12CĐ-Ô1	8.00	79	400,000	2,000,000	
32	12D2050015	Lê Tiến Đạt	12CĐ-Ô1	7.00	79	400,000	2,000,000	
33	12D2050023	Nguyễn Văn Hiền	12CĐ-Ô1	7.59	83	400,000	2,000,000	
34	12D2050035	Trần Cao Khả	12CĐ-Ô1	7.09	70	400,000	2,000,000	
35	12D2050040	Nguyễn Quang Linh	12CĐ-Ô1	7.45	71	400,000	2,000,000	



STT	Mã số SV	HỌ & TÊN		LỚP	ĐIỂM TBCHT	KQRL	SỐ TIỀN	TỔNG CỘNG 5 THÁNG	KÝ NHẬN
36	12D2050042	Phạm Minh	Long	12CĐ-Ô1	7.14	70	400,000	2,000,000	
37	12D2050044	Trương Hoàng	Minh	12CĐ-Ô1	8.23	82	475,000	2,375,000	
38	12D2050050	Trần Phúc	Nhơn	12CĐ-Ô1	7.41	71	400,000	2,000,000	
39	12D2050074	Nguyễn Hoàng	Thuận	12CĐ-Ô1	7.86	81	400,000	2,000,000	
40	12D2050078	Trần Quang	Tín	12CĐ-Ô1	7.68	83	400,000	2,000,000	
41	12D2050080	Nguyễn Thành	Toàn	12CĐ-Ô1	7.00	74	400,000	2,000,000	
42	12D2050082	Huỳnh Thanh	Trà	12CĐ-Ô1	7.55	77	400,000	2,000,000	
43	12D2050002	Trần Trọng	An	12CĐ-Ô2	7.18	74	400,000	2,000,000	
44	12D2050013	Phạm Anh	Dũng	12CĐ-Ô2	7.91	74	400,000	2,000,000	
45	12D2050020	Võ Minh	Giàu	12CĐ-Ô2	7.77	72	400,000	2,000,000	
46	12D2050095	Võ Minh	Quang	12CĐ-Ô2	7.05	72	400,000	2,000,000	
47	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh	Châu	12CĐ-M	8.88	83	475,000	2,375,000	
48	12D2040006	Nguyễn Thị	Dung	12CĐ-M	8.21	88	475,000	2,375,000	
49	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	12CĐ-M	7.54	73	400,000	2,000,000	
50	12D2040009	Lê Thị Minh	Gương	12CĐ-M	7.67	72	400,000	2,000,000	
51	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh Hạ		12CĐ-M	8.25	76	400,000	2,000,000	
52	12D2040013	Huỳnh Thị Kim	Liên	12CĐ-M	7.50	71	400,000	2,000,000	
53	12D2040014	Nguyễn Thị	Linh	12CĐ-M	7.46	73	400,000	2,000,000	
54	12D2040016	Nguyễn Thị	Nam	12CĐ-M	7.54	82	400,000	2,000,000	
55	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy	Nga	12CĐ-M	8.17	71	400,000	2,000,000	
56	12D2040019	Phạm Thị Thảo	Nguyên	12CĐ-M	7.29	71	400,000	2,000,000	
57	12D2040021	Trịnh Thị	Nhung	12CĐ-M	7.67	78	400,000	2,000,000	
58	12D2040022	Võ Ngọc Băng	Tâm	12CĐ-M	7.92	93	400,000	2,000,000	
59	12D2040023	Nguyễn Thị Yến	Thanh	12CĐ-M	8.54	91	475,000	2,375,000	
60	12D2040024	Phạm Thị	Thanh	12CĐ-M	8.42	75	400,000	2,000,000	
61	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12CĐ-M	7.38	71	400,000	2,000,000	
62	12D2040027	Nguyễn Thị Kim	Thy	12CĐ-M	7.67	76	400,000	2,000,000	
63	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12CĐ-M	7.13	77	400,000	2,000,000	
64	12D2040031	Ngô Thị Ngọc	Tuyết	12CĐ-M	7.58	72	400,000	2,000,000	
65	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	12CĐ-M	7.29	74	400,000	2,000,000	
66	12D201P014	Trịnh Xuân	Đạo	12CĐ-TP1	7.21	70	400,000	2,000,000	
67	12D201P023	Phạm Trung	Hiếu	12CĐ-TP1	8.25	82	475,000	2,375,000	
68	12D201P050	Võ Hoàng	Phúc	12CĐ-TP1	8.04	70	400,000	2,000,000	
69	12D201P061	Nguyễn Minh	Tấn	12CĐ-TP1	8.04	72	400,000	2,000,000	
70	12D201P070	Lương Hoàng	Trọng	12CĐ-TP1	7.75	84	400,000	2,000,000	
71	12D201M017	Huỳnh	Đỗ	12CĐ-TM1	7.36	91	400,000	2,000,000	
TỔNG CỘNG			71	06 Giỏi & 65 Khá - 18 Nữ				144,250,000	
(Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)									

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV

Nguyễn Thanh Lâm

TRƯỞNG PHÒNG KH - TC

Phạm Ngọc Long

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I/2014-2015

Bậc đào tạo: Cao đẳng - Khóa: 2013

(Kèm theo Quyết định số: 719/QĐ-LTT-TTGD ngày 20 tháng 5 năm 2015
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số SV	HỌ & TÊN		LỚP	ĐIỂM TBCHT	KQRL	SỐ TIỀN	TỔNG CỘNG 5 THÁNG	KÝ NHẬN
1	13D3010117	Lê Chí Hoàng	Thắng	13CĐ-ĐT1	7.52	71	400,000	2,000,000	
2	13D2060071	Nguyễn Hoàng	Huy	13CĐ-NL1	7.22	77	400,000	2,000,000	
3	13D2010019	Nguyễn Ngọc	Chương	13CĐ-CK2	7.58	83	400,000	2,000,000	
4	13D2010126	Võ Thành	Nghĩa	13CĐ-CK4	7.42	73	400,000	2,000,000	
5	13D2010133	Nguyễn Ngọc	Nhân	13CĐ-CK4	7.16	76	400,000	2,000,000	
6	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	13CĐ-CK5	7.71	80	400,000	2,000,000	
7	13D2050109	Tăng Mộng	Long	13CĐ-Ô3	7.71	78	400,000	2,000,000	
8	13D2050199	Nguyễn Ngọc	Thoại	13CĐ-Ô3	7.17	72	400,000	2,000,000	
9	13D2050305	Trần Việt	Dũng	13CĐ-Ô4	8.24	88	475,000	2,375,000	
10	13D2050155	Lê Văn	Quân	13CĐ-Ô4	7.00	70	400,000	2,000,000	
11	13D2050170	Trần Ngọc	Tài	13CĐ-Ô4	7.06	70	400,000	2,000,000	
12	13D2040064	Lương Tâm	Em	13CĐ-M	7.36	70	400,000	2,000,000	
13	13D2040007	Lê Nguyễn Kim	Giao	13CĐ-M	8.21	83	475,000	2,375,000	
14	13D2040015	Trương Thị Cẩm	Hương	13CĐ-M	7.14	93	400,000	2,000,000	
15	13D2040017	Phạm Hoàng Mộng	Kha	13CĐ-M	7.32	74	400,000	2,000,000	
16	13D2040061	Lê Hà	Linh	13CĐ-M	7.61	70	400,000	2,000,000	
17	13D2040020	Nguyễn Thị Thanh	Loan	13CĐ-M	7.42	71	400,000	2,000,000	
18	13D2040031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13CĐ-M	7.55	73	400,000	2,000,000	
19	13D2040042	Lê Thị Mai	Thư	13CĐ-M	8.27	73	400,000	2,000,000	
20	13D2040043	Trần Thị Lệ	Thu	13CĐ-M	7.31	74	400,000	2,000,000	
21	13D2040018	Bùi Thị Kim	Tuyến	13CĐ-M	7.27	70	400,000	2,000,000	
22	13D2040053	Vũ Hoàn Phương	Uyên	13CĐ-M	7.23	70	400,000	2,000,000	
23	13D201P105	Đặng Thị Kim	Xuyến	13CĐ-TP1	7.76	71	400,000	2,000,000	
24	13D201P127	Trần Văn	Dũng	13CĐ-TP2	7.26	70	400,000	2,000,000	
25	13D201M095	Trần Long	An	13CĐ-TM1	7.15	78	400,000	2,000,000	
26	13D201M087	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	13CĐ-TM1	7.52	76	400,000	2,000,000	
27	13D201M071	Lương Văn	Trọng	13CĐ-TM1	7.75	70	400,000	2,000,000	
28	13D201M016	Ngô Hiền	Đức	13CĐ-TM2	7.11	75	400,000	2,000,000	
TỔNG CỘNG			28	02 Giỏi & 26 Khá - 12 Nữ			56,750,000		
(Số tiền bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)									

TRƯỜNG PHÒNG TTGD - CTSV

Nguyễn Thanh Lâm

TRƯỜNG PHÒNG KH - TC

Phạm Ngọc Long



Phạm Hữu Lộc

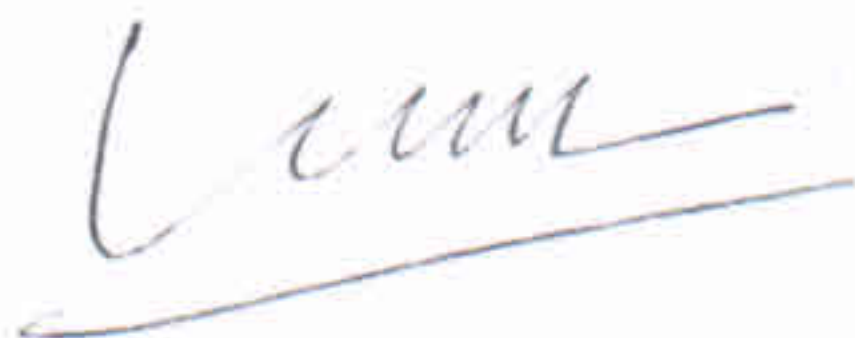
DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I/2014-2015

Bậc đào tạo: Cao đẳng - Khóa: 2014

(Kèm theo Quyết định số: 719/QĐ-LTT-TTGD ngày 20 tháng 5 năm 2015
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

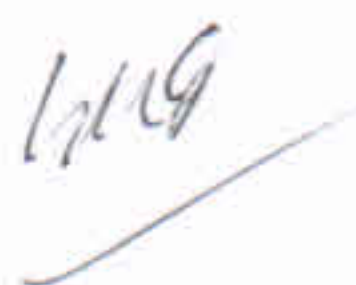
STT	Mã số SV	HỌ & TÊN		LỚP	ĐIỂM TBCHT	KQRL	SỐ TIỀN	TỔNG CỘNG 5 THÁNG	KÝ NHẬN
1	14D2010050	Lê Phúc	Hậu	14CĐ-CK4	7.29	72	400,000	2,000,000	
2	14D2010106	Võ Minh	Phát	14CĐ-CK4	7.71	73	400,000	2,000,000	
3	14D2050052	Lê Ngô Gia	Bảo	14CĐ-Ô3	7.21	70	400,000	2,000,000	
4	14D2050116	Nguyễn Công	Khải	14CĐ-Ô3	7.67	71	400,000	2,000,000	
5	14D2050138	Nguyễn Hữu	Năm	14CĐ-Ô3	7.36	73	400,000	2,000,000	
6	14D2040004	Võ Thị Hà	Mi	14CĐ-M1	7.73	74	400,000	2,000,000	
7	14D2040025	Trần Thị Ý	Nhi	14CĐ-M1	7.17	85	400,000	2,000,000	
8	14D2040035	Nguyễn Thị Mộng	Quỳnh	14CĐ-M1	7.22	71	400,000	2,000,000	
9	14D2040037	Trần Thị Diễm	Trinh	14CĐ-M1	8.08	77	400,000	2,000,000	
10	14D201P028	Lê Đăng	Khoa	14CĐ-TP1	7.34	75	400,000	2,000,000	
11	14D201P007	Nguyễn Thành	Tâm	14CĐ-TP1	7.89	70	400,000	2,000,000	
TỔNG CỘNG			11	11 SVK - 04 Nữ				22,000,000	
(Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn)									

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Nguyễn Thanh Lâm

TRƯỞNG PHÒNG KH-TC



Phạm Ngọc Long



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc